

LUẬN A TỖ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 15

Phẩm 4: NÓI VỀ DUYÊN KHỞI (PHẦN 4)

Đã nói về vô minh, nay sẽ nói về danh sắc. Sắc đã nói về rộng, còn tướng của danh thì thế nào?

Tụng rằng:

Danh bốn uẩn vô sắc.

Luận chép: Phật nói: Bốn uẩn vô sắc gọi là Danh, vì hay biểu thị, kêu gọi, nên gọi là hay biểu thị, kêu gọi vô số thứ đối tượng duyên.

Nếu vậy thì không nên hoàn toàn gồm nhiếp pháp bất tương ứng của Vô sắc vì không có đối tượng duyên. Không như vậy thì sự kêu gọi chỉ ở Vô sắc, như giải thích về sắc, sinh, điều đã nói không có lỗi. Lại, vì nhỏ nhiệm, nên trọng nghĩa danh, sắc kia, thuận theo lý đặt danh, nêu dùng tên gọi, chẳng phải vô biểu, v.v..., cũng có thể xưng danh, do đối tượng nương tựa của vô biểu kia hiện lượng được. Lại, sinh ở cõi, địa, đường, vì hay cầu mong khắp đường, nên đặt tên gọi, không phải Vô sắc vô lậu không được danh, danh dù không phải vô lậu ấy đã sáng tỏ, nhưng vì giống với vô lậu này. Lại, ở Vô sắc tùy theo ý người nói.

Nói chung là danh không nhọc công gạn hỏi. Chắc chắn lựa chọn rộng khác như luận Thuận Chánh Lý.

Đã nói về danh tướng. Thế nào là tướng xúc?

Tụng rằng:

Xúc sáu, ba hòa sinh.

Luận chép: Xúc có sáu thứ, gọi là xúc nhãn cho đến xúc ý.

Việc này là thế nào?

Do ba hòa sinh, nghĩa là vì ba thứ căn, cảnh, thức hòa hợp, có xúc sinh riêng, mặc dù ba hữu thứ sáu, đều có thể gian riêng nhưng vì nhân quả lệ thuộc nhau, nên nghĩa hòa hợp được thành. Hoặc đồng một quá là nghĩa hòa hợp, dù căn, cảnh, thức chưa hẳn cùng có sinh, nhưng

vì quả xúc đồng, nên gọi là hòa hợp. Thể xúc có riêng đã hình thành trong đại địa, dù ba hòa hợp sinh, nhưng chắc chắn thức đều có khởi, vì như thức, nói về hai duyên sinh, nghĩa là Khế kinh nói: Trong có thân thức, ngoài danh sắc. Hai hai làm duyên, các xúc sinh khởi, cho đến nói rộng.

Có thân thức là nói rõ sáu xứ bên trong, danh sắc bên ngoài nói rõ sáu xứ ngoài, nghĩa này phải như thế. Già-tha nói: Hai thứ mắt và sắc, v.v... Lại, kinh nói: Thức, xúc đều có danh sắc làm duyên. Khi duyên sinh đã đồng, thời há có trước, sau, khi đủ duyên thì sẽ khởi, vì không có khả năng chướng ngại.

Do đó tức chứng các xúc như nhãn xúc, v.v... sinh ra thọ, v.v... Các pháp thức nhãn, v.v... đều khởi với sinh nhãn thức v.v... vì nhân đồng. Do kinh này gọi là thọ, là tưởng, là tư, là thức. Các pháp như thế vì xen lẫn nhau không lìa, nên thức, xúc đều có lý cực thành lập, tức sáu xúc trước lại hợp thành hai, hai ấy là gì?

Tụng rằng:

*Năm tương ứng có đối
Thứ sáu cùng tăng ngữ.*

Luận chép: Năm xúc như nhãn xúc, v.v... gọi là có đối, vì lấy căn có đối làm đối tượng nương tựa, vì chỉ pháp có đối làm cảnh giới, nên xúc ý thứ sáu gọi là tăng ngữ. Tăng ngữ gọi là danh, vì danh là cảnh đối tượng duyên lớn của xúc ý, nên nói riêng danh này là xúc tăng ngữ, ý thức dùng chung danh nghĩa làm cảnh, vì năm không duyên danh, nên gọi là dài. Như nói nhãn thức chỉ công năng rõ biết xanh, không rõ biết là xanh, ý thức rõ biết xanh cũng rõ biết là xanh cho đến nói rộng, nên tên gọi xúc có đối là từ cảnh chỗ dựa, cho đến cảnh chỗ dựa lớn đặt danh từ tăng ngữ xúc.

Có nói: Ý thức gọi là tăng ngữ, vì làm tăng thượng ở trong phát ngữ.

Có người nói: Làm tăng thượng của ý thức ngữ, mới chuyển biến ở cảnh, năm thức thì không như vậy. Thế nên, chỉ có ý thức được gọi là tăng ngữ, tương ứng với tăng ngữ này gọi là tăng ngữ xúc, nên xúc có đối, gọi từ cảnh chỗ dựa. Căn cứ tương ứng chủ, đặt tên tăng ngữ xúc, tức sáu xúc trước, thuận theo tương ứng khác nhau, lại thành tám thứ. Tụng rằng:

*Minh, vô minh không hai
Vô lậu, nhiễm ô, khác
Ái, giận hai tương ứng*

Lạc... thuận theo ba thọ.

Luận chếp: Tương ứng với minh, vô minh v.v... thành ba:

1. Xúc minh.
2. Xúc vô minh.
3. Xúc phi minh, phi vô minh.

Ba xúc này như thứ lớp nên biết, tức là vô lậu, nhiễm ô, xúc tương ứng khác. Khác, nghĩa là vô lậu và nhiễm ô khác, tức thiện hữu lậu vô phú vô ký. Một phần trong xúc nhiễm ô thường khởi, dựa vào xúc nhiễm ô đó, lại lập hai xúc ái và giận. Vì tùy miên ái giận tương ứng chung, nên nhiếp chung tất cả. Lại thành ba xúc:

1. Xúc thuận với lạc thọ.
2. Xúc thuận với khổ thọ.
3. Xúc thuận với bất khổ, bất lạc thọ.

Thế nào là thuận với xúc thọ?

Vì đã lãnh thọ lạc, v.v..., hoặc vì nương tựa hành tướng thọ, nên gọi là Thuận thọ.

Vì sao xúc là hành tướng đã nhận lãnh của thọ, dựa vào hành tướng rất giống với xúc, vì dựa vào xúc mà sinh. Lại, vì lương ứng với các thọ như thọ lạc, v.v..., hoặc vì công năng dẫn sinh các thọ như thọ lạc, v.v..., nên gọi là thuận thọ.

Như vậy hợp thành mười sáu thứ xúc.

Đã nói về tướng xúc, còn tướng thọ thế nào?

Tụng rằng:

*Từ đây sinh sáu thọ
Năm thuộc thân, một : tâm
Đây lại thành mười tám
Do ý cận hành khác.*

Luận chếp: Từ sáu xúc trước sinh ra sáu thọ, nghĩa là xúc nhãn sinh ra thọ, đến ý xúc sinh ra thọ. Thọ này hợp thành hai:

1. Thân thọ.
2. Tâm thọ.

Năm thứ trước trong sáu, gọi là thân thọ, vì dựa vào sắc căn, xúc ý được sinh, gọi là tâm thọ, chỉ vì dựa vào tâm, nên nói trong nhất tâm thọ, do ý gần hành khác. Lại, chia thành mười tám.

Thế nào là mười tám ý hành gần? Nghĩa là ưu, hỷ, xả, đều có sáu hành gần.

Việc này lại vì sao lập thành mười tám?

Do ba lãnh nạp chỉ tương ứng với ý, vì sáu cảnh có khác, nên

thành mười tám, không phải thể của một thọ tương ứng với ý thức, khác với cảnh, thành sáu, vì khác với sự lãnh thọ, nên ý hành gần, gọi là nghĩa gì? Hỷ, v.v... Có sức có thể làm duyên gần, vì khiến cho ý thường đi dạo ở cảnh.

Nếu nói ý hỷ, v.v... làm duyên gần, thường dạo ở cảnh, gọi là ý hành gần, v.v... cũng được tên gọi này, do tương ứng với ý, do vì hành ý. Nếu chỉ địa ý có ý hành gần, lẽ nào không trái với kinh, như Khế kinh nói: Mắt thấy sắc rồi, thuận với sắc hỷ, khởi hành gần của hỷ, cho đến nói rộng.

Điều này không trái nhau, như y cứ ở nhãn thức dẫn quán bất tịnh. Quán bất tịnh này chỉ thuộc về địa ý. Tuy nhiên Khế kinh nói: Mắt thấy sắc rồi, tùy theo quán bất tịnh an trụ đầy đủ. Nhãn thức này cũng như thế, vì dựa vào năm thức thân đã dẫn hành gần hỷ, v.v... của địa ý, nên nói như thế: Do kinh kia nói: Mắt thấy sắc rồi, cho đến nói rộng, nên hành gần của ý, do năm thức đã dẫn tương ứng với ý thức, không nên làm vấn nạn.

Vì sao thân thọ không phải hành gần của ý, vì hành gần của ý, không phải đồng pháp, do hành gần của ý chỉ dựa vào ý thức, nên gọi là gần. Vì phân biệt cảnh tự tướng, cộng tướng của ba đời, v.v..., nên gọi là hành. Tất cả thân, thọ trái với hành này, nên không phải gần với ý, cũng không gọi là hành.

Lẽ nào không thân thọ cũng có tướng này Thân thọ lãnh nạp các cảnh như sắc, v.v... rồi. Ý thức tùy hành, do sức thán thọ, vì ý thức thường dạo ở cảnh? Việc này cũng không đúng. Vì đã nói về tướng. Nghĩa là các thân thọ không dựa vào ý thức, vì không có phân biệt, do thân thọ kia không có khả năng phân biệt lỗi, công đức của cảnh giới, nên không phải sức thân thọ kia khiến cho ý thường dạo ở cảnh. Lại, không chắc chắn, nghĩa là sau khi thân thọ, không phải chắc chắn có ý thức nối tiếp sinh, ý, thọ cùng lúc, sẽ có ý thức, nên chỉ ý thọ, gọi là hành gần của ý. Lại, loại mù bẩm sinh, v.v... dù không nhìn thấy rồi, cho đến xúc rồi, nhưng vì có hành gần.

Tĩnh lực thứ ba có thú vui của địa ý, lẽ ra cũng gồm nhiếp ở trong hành gần của ý mới phải?

Lời trách cứ này không đúng, vì cõi đầu không có. Lại, vì ngưng đọng, nghĩa là không có niềm vui của địa ý trong cõi Dục. Tĩnh lực thứ ba dù có không lập. Lại, niềm vui của địa kia ngưng đọng ở cảnh, hành gần ở cảnh, thường có tìm tòi, dời đổi không dính mắc, vì một duyên mới gọi là hành. Lại, vì hành gần ý thuộc về khổ căn không cố bị đối

trị. Nếu vậy, không có hành gần ý của xả căn, vì không bị đối trị. Không như vậy, vì ưu, hỷ, tức xả đối trị, nên lạc căn của địa ý của tính lự thứ ba vì không có tự căn, căn xả của bản địa làm đối trị, nhưng không có phần gần, v.v..., không có lỗi hành gần xả, v.v..., do ở trong cõi đầu tiên có đối tượng đối trị của đồng địa. Hoặc lại vì chấp nhận có, không chấp nhận có, nghĩa là chấp nhận xả, v.v... của ý có pháp bị đối địch của đồng địa, vì ý ưa định không có đối địch của đồng địa, nên không có lỗi.

Trong các hành gần của ý, có bao nhiêu hành gần của ý cõi Dục lệ thuộc cõi Dục? Bao nhiêu đối tượng duyên? Đặt câu hỏi về cõi Sắc, Vô sắc cũng như vậy?

Tụng rằng:

Dục duyên Dục: mười tám

Sắc mười hai. Trên ba

Hai, duyên Dục, mười hai

Tám tự. Hai: Vô sắc

Hai sau duyên Dục : sáu

Bốn tự. Một: duyên trên

Sơ Vô sắc, cận phần

Bốn: duyên Sắc. Một : tự

Bốn: căn bản ba biên

Chỉ một: duyên cảnh mình.

Luận chép: Bị lệ thuộc cõi Dục có đủ mười tám, duyên theo cảnh cõi Dục, số ấy cũng vậy.

Duyên theo cảnh cõi Sắc chỉ có mười hai, trừ hương vị sáu, vì cõi Sắc kia không có cảnh. Duyên theo cảnh Vô sắc chỉ được có ba, vì đối tượng duyên của năm Vô sắc kia, nên duyên theo cảnh không lệ thuộc, cũng chỉ có ba.

Đã nói về lệ thuộc cõi Dục rồi. Nay sẽ nói về lệ thuộc cõi Sắc. Tính lự thứ nhất, thứ hai chỉ có mười hai, nghĩa là trừ sáu ưu, nếu nói định, đối tượng duyên không có nhiễm ô, có thể duyên theo cảnh dưới, thì khéo duyên theo cảnh dục cũng đủ mười hai, trừ hương vị bốn, tám thứ còn lại tự duyên.

Hai duyên Vô sắc, nghĩa là hành gần của pháp, duyên pháp không lệ thuộc cũng chỉ hai thứ.

Tính lự thứ ba, thứ tư chỉ sáu, nghĩa là xả duyên theo cảnh cõi Dục, hỷ cũng đủ sáu trừ hương vị hai, bốn thứ còn lại tự duyên.

Một duyên Vô sắc, nghĩa là hành gần của pháp, duyên pháp không

lệ thuộc, cũng chỉ có một thứ.

Đã nói lệ thuộc cõi Sắc rồi, sẽ nói về lệ thuộc cõi Vô sắc.

Phần gần của Không xứ chỉ có bốn thứ, nghĩa là xả chỉ' duyên sắc, thanh, xúc, pháp, duyên tĩnh lự thứ tư cũng có đủ bốn thứ.

Đây là y cứ ở sự thừa nhận có duyên riêng để nói. Nếu chấp địa tĩnh lự thứ tư kia chỉ duyên chung địa dưới, thì chỉ có hành gần của ý pháp duyên xen lẫn duyên cõi Vô sắc. Chỉ có một, nghĩa là pháp, duyên pháp không lệ thuộc cũng chỉ một thứ.

Bốn địa căn bản và ba biên trên chỉ một, nghĩa là pháp, cũng duyên địa mình. Căn bản Vô sắc vì không duyên địa dưới, nên ba biên trên kia vì không duyên Sắc. (Về nghĩa không duyên địa dưới như sau sẽ nói).

Duyên không lệ thuộc này cũng chỉ có một.

Các hành gần của ý có cả vô lậu phải chăng?

Tụng rằng:

Mười tám chỉ hữu lậu.

Luận chép: Không có hành gần có cả vô lậu. Vì sao? Vì tăng trưởng hữu, các pháp vô lậu trái với hành gần này.

Có nói: Về hành gần này, hữu tình đều có, còn vô lậu thì không như vậy, nên không phải hành gần.

Có nói: Vì Thánh đạo mặc nhiên mà chuyển, vì thuận với cõi vô tướng, nên không phải thể của hành gần, vì hành gần trái với thể này.

Ai thành tựu bao nhiêu ý hành gần?

Nghĩa là sinh cõi Dục, nếu chưa đạt được tâm thiện cõi Sắc mà thành tựu tất cả định một, hai, tám, ba, bốn định, cõi bốn Vô sắc một, đã thành cõi trên, đều không duyên cõi dưới, vì chỉ nhiễm ô.

Nếu đã đạt được tâm thiện cõi Sắc, chưa lìa tham dục mà thành tựu tất cả Sơ tĩnh lự cõi Dục có mười. Bỏ đủ sáu thứ. Vì tâm thiện trong địa vị chỉ được duyên theo cảnh hương vị, nên hỷ chỉ có bốn, vì chỉ có nhiễm không duyên địa dưới.

Lẽ nào không phải được dẫn sinh do thức nhãn, v.v... hành gần của ý chẳng? Và tĩnh lự kia không có hai thức mũi, lưỡi, thì phải không có duyên hành gần của hương vị chẳng?

Lời vấn nạn này không đúng, vì tự tánh của người mù bẩm sinh, điếc bẩm sinh, v.v... sinh ra ý nghĩ. Và người ở trong định, đều không có hành gần của sắc, v.v..., nên không phải tất cả được dẫn phát do năm thức, thành hai định, tám, ba, bốn tĩnh lự Vô sắc như trước.

Đã lìa tham dục, nếu chưa đạt được tâm thiện của hai định, thì tĩnh

lự kia sẽ thành Sơ định cõi Dục mười hai, nghĩa là trừ sáu ưu, hai tính lự, v.v..., đều như trước đã nói. Nếu đã đạt được tâm thiện của hai định thì đối với người chưa được lìa tham của Sơ định, sẽ thành hai định mười. Nghĩa là hỷ chỉ bốn, vì chỉ nhiễm ô, nên bỏ đủ sáu thứ. Đã đạt được, vì phần gần kia tốt đẹp, phần khác như trước đã nói. Do lý này, y cứ pháp khác nên biết. Nếu sinh cõi Sắc chỉ thành hành gần của một pháp xả cõi Dục, nghĩa là tâm quả thông đều có.

Thế nào là đạt được các hành gần của ý? Nghĩa là lìa tham dục, tám Vô gián trước, tám đạo giải thoát, đạt được hành gần của sáu xa trong địa phần gần của Sơ định.

Trong đạo giải thoát Vô gián thứ chín, đạt được tâm quả thông cõi Dục đều có hành gần của pháp xả, đạt được mười hai hành gần của Sơ định. Sơ, định này nói gồm nhiếp quyển thuộc, do lý thú này lìa nhiễm của địa trên, như thế nên biết. Tuy nhiên vẫn có sai khác, nghĩa là khi lìa tham tính lự thứ tư, Vô gián thứ chín và đạo giải thoát, sẽ không đạt được địa mình, địa dưới. Tâm quả thông đều có hành gần của pháp xả, khi lìa tham của các địa Không xứ, v.v..., tất cả Vô gián và đạo giải thoát chỉ đạt được hành gần của một pháp xả, khi được Vô học, đạt được cõi Dục. Mười hai hành gần của tính lự sơ, nhị, hành gần của sáu xả của ba, bốn tính lự, hành gần sáu xả của ba, bốn tính lự, hành gần bốn xả của Không vô biên xứ Địa trên đều là hành gần của một pháp xả, đối với vị thọ sinh khi từ địa trên mất, sinh địa dưới, đạt được tất cả hành gần của đương địa. Sinh các tính lự cũng gồm hành gần pháp xả của địa dưới. Lại, tức hành của mười tám ý hỷ, v.v... vì tham đắm phát ra chỗ nương tựa riêng, nên Đức Thế tôn gọi là ba mươi sáu sư cú, cú khác nhau này hay biểu thị cho Đại sư, vì là lá cờ nêu của sư, nên gọi là sư cú.

Các cú như thế chỉ cho Phật, đại sư, năng biết, năng nói, vì người khác không có khả năng, nên ham nương tựa nghĩa là các thọ nhiễm. Xuất ly dựa, nghĩa là các thọ thiện vô phú vô ký, vì thuận theo thiện, nhiễm, nên tùy theo sự thích ứng hai gồm nhiếp, không còn nói riêng.

Địa định của ba mươi sáu cõi này, nghĩa là trong cõi Dục có đủ ba mươi sáu. Tính lự sơ nhị chỉ có hai mươi nghĩa là đắm chỗ dựa tám, xuất ly dựa mười hai. Tính lự ba, bốn chỉ có mười thứ, nghĩa là đắm chỗ dựa bốn và xuất ly dựa sáu. Phần gần của Không xứ, nếu thừa nhận duyên riêng, thì có năm thứ, nghĩa là đắm chỗ y, một xuất ly dựa bốn. Nếu chấp chỉ duyên chung thì chỉ có hai thứ, nghĩa là đắm chỗ dựa một, xuất ly dựa một. Căn bản Vô sắc và ba biên trên đều chỉ có hai, như trước

nên biết.

Đây là y cứ theo đối tượng duyên của địa, cõi chắc chắn. Nghĩa là muốn duyên theo cảnh dục đủ ba mươi sáu, duyên theo cảnh cõi Sắc chỉ hai mươi bốn, trừ duyên hai dựa hương vị, đều có sáu. Duyên theo cảnh Vô sắc chỉ có sáu thứ, nghĩa là hai dựa của hành gân của pháp, mỗi chỗ đều có ba duyên theo cảnh không lệ thuộc, cũng chỉ có sáu thứ này.

Do lý này, cõi Sắc, Vô sắc duyên sai khác cảnh như thích ứng, nên tư duy.

Vì sao chi hữu khác không nói?

Tụng rằng:

Khác đã nói, sẽ nói.

Luận chép: Chi hữu khác, hoặc hữu đã nói, hoặc hữu sẽ nói, như trước đã giải thích.

Nếu vậy thì vì sao lại khởi tụng này?

Vì lẽ ở tụng sau, sẽ ngăn giải thích rộng về nghi, vì trong bài tụng sau, nói phiền não, v.v... chớ có ở đây sinh nghi như thế.

Trước đã nói rộng về nghĩa bốn chi rồi, kế là nên giải thích rộng về chi hữu khác kia. Vì biểu thị rõ văn sau, dựa vào sự hoặc, nghiệp, vì mượn dụ để chỉ rõ chung mười hai chi hữu, nên “sư quĩ phạm” lại khởi tụng này.

Như trước đã nói mười hai chi hữu, lược gồm nhiếp chỉ có ba, nghĩa là hoặc, nghiệp, sự, tác dụng của ba thứ này khác nhau, dụ kia thì thế nào?

Tụng rằng:

Trong đây nói phiền não

Như giống, lại như rồng

Như cỏ, rễ, cây, cộng

Và như gạo trong trấu.

Nghiệp như gạo có trấu

Như cỏ thuốc, như hoa

Các sự quả dị thục

Như uống, ăn thành thục.

Luận chép: Giống với ba thứ này, v.v... như thế nào? Như từ hạt giống, mầm, lá, v.v... sinh.

Như thế, từ phiền não sinh nghiệp phiền não, Sự như rồng trấn đóng ở ao, nước thường không cạn. Như vậy, phiền não được nối tiếp nhau trấn đồng sinh ra ao, khiến cho hoặc, nghiệp, sự chảy rót vô tận. Như cỏ, rễ chưa nhổ, mộng cắt, cắt rồi mọc lại. Như vậy, rễ phiền não

chưa dùng Thánh đạo để nhỏ, khiến sinh mầm, mạ cấy, cấy rồi, mọc trở lại, như từ cây, cọng, thường sinh cành, hoa, quả. Cũng thế, từ hoặc thường khởi hoặc, nghiệp, sự, như gạo trong trấu có thể nảy mầm, v.v... không thể sinh riêng. Nghiệp trong phiền não chiêu cảm hữu sau, không chiêu cảm riêng, như gạo có trấu sinh ra mầm, v.v... Nghiệp có phiền não có thể chiêu cảm dị thực, như quả của các thứ có thuốc chín làm bờ mé sau, quả nghiệp thành thực rồi, không còn chiêu cảm dị thực, như hoa đối với quả làm nhân gần của sinh, nghiệp làm nhân gần, có thể sinh dị thực, như thức uống ăn chín, chỉ nên thọ dụng, không thể chuyển biến sinh thành thức uống ăn khác. Sự của quả dị thực đã thành thực rồi, không thể còn chiêu cảm dị thực sinh khác. Nếu các dị thực lại chiêu cảm sinh khác, sinh khác lại chiêu cảm sinh khác, nên không giải thoát.

Đã nói về duyên khởi, tức ở trong đây, y cứ ở vị sai khác, chia thành bốn hữu: trung, sinh, bản và tử, đã giải thích như trước. Sự sai khác như thiện, v.v... có, không ba cõi hay không, nay sẽ nói lược: Tụng rằng:

*Ở trong bốn thứ hữu
Sinh hữu chỉ nhiễm ô
Do phiền não địa mình
Còn ba. Vô sắc ba.*

Luận chép: Sinh hữu trong bốn hữu chỉ nhiễm, chắc chắn không phải thiện vô phú, vô ký.

Do tất cả phiền não hoặc, v.v... nào, các phiền não nhiễm các sinh hữu chăng? Không như vậy thì thế nào?

Chỉ do địa mình, nghĩa là sinh địa này, chỉ do tất cả phiền não trong địa này sinh, hữu thành nhiễm ô, không có một phiền não nào trong các phiền não ở vị Kết sinh mà không có công năng thấm nhuần, nhưng các Kết sinh, chỉ do sức phiền não, không phải do triền, cấu. Vì sao? Vì hành vi của sức mình, triền, v.v... ăn năn, che giấu, vì phải do tư duy lựa chọn mới hiện khởi: Nhưng thân, tâm trong vị này mê muội, thấp kém, phải là nhậm vận hoặc, mới có thể hiện hành, vì chỉ Có sức tùy miên thường tu tập vượt hơn, nên các phiền não thường hiện hành, vào lúc Kết sinh, nhậm vận hiện khởi. Các triền và cấu, do sức thường tập yếu kém, chẳng phải không tư duy, lựa chọn mà được hiện tiền.

Cho nên, Kết sinh không phải vì các triền, cấu nên chỉ do sức các phiền não của địa mình, nhiễm ô sinh hữu, lý cực thành lập, trung hữu, v.v... khác, mỗi đều có cả ba, nghĩa là hữu kia đều có cả thiện, nhiễm,

vô ký, nên biết sát-na nối tiếp đầu tiên của trung hữu cũng phải nhiễm ô, cũng như sinh hữu.

Bốn hữu như thế thuộc về cõi nào?

Cõi Dục, cõi Sắc đủ bốn, còn Vô sắc chỉ ba, không phải nghiệp Vô sắc chiêu cảm quả trung hữu, như luận Thuận Chánh Lý, đã tư duy, lựa chọn đủ. Trong bốn thứ hữu này do đâu mà trụ? Tụng rằng:

*Hữu tình do ăn trụ
Thể đoạn thực chỉ ba
Vô sắc không lợi ích
Căn mình được giải thoát.
Ba ăn: Xúc, tư, thức
Hữu lậu khắp ba cõi
Ý thành và cầu sinh
Hương thực, trung hữu khởi.
Hai trước ích đời này
Sở y và năng y
Hai sau hiện đang có
Dẫn khởi như thứ lớp.*

Luận chép: Kinh nói: Đức Thế tôn tự giác ngộ một pháp, chánh giác, chánh nói. Nghĩa là các hữu tình, tất cả đều do ăn mà sống còn.

Những gì là ăn?

Ăn có bốn thứ:

1. Dứt.
2. Xúc.
3. Tư.
4. Thức.

Đoạn có hai thứ, là tế và thô. Tế, là thức ăn của trung hữu, vì hương là thức ăn và thức ăn đầu tiên của kiếp trời, vì không có biến đổi, cấu ứ, như rót dầu vào cát, vì tan vào chi, hoặc trùng như tế, thức ăn của con trẻ, v.v... gọi là tế, trái với tế này là thô.

Đoạn thực như thế chỉ có ở cõi Dục, vì lìa tham đoạn thực, sinh cõi trên, nên không phải thân cõi trên, dựa vào duyên ngoài mà sống. Mặc dù cõi Sắc có công năng làm lợi ích đại chúng, nhưng không phải đoạn thực, như không phải diệu dục, như trong cõi Sắc dù có cảnh xúc chạm sắc, thanh hấp dẫn, nhưng vì không dẫn sinh tham tăng thượng, nên không gọi là diệu dục.

Như thế, dù có công năng vi diệu hơn hết, gồm nhiếp việc xúc chạm làm lợi ích, nhưng vì rốt ráo không có nuốt, ăn phần đoạn, nên

không phải đoạn thực. Mặc dù không thuộc về đoạn thực, nhưng chẳng phải không có nghĩa ăn, như nổi mừng dù chẳng phải thuộc về trong bốn thực, mà kinh gọi là ăn, vì có nghĩa ăn, như Khế kinh nói: Ta ăn hỷ thực, do hỷ thực ở lại lâu, như trời Cực Quang Tịnh. Nhưng thể đoạn thực có mười ba sự, dùng xứ gồm nhiếp chung, chỉ có ba thứ, nghĩa là chỉ ba: hương, vị, xúc cõi Dục, tất cả đều là tự thể của đoạn thực, vì có thể thành dứt khác nhau mà ăn nuốt, nghĩa là dùng miệng, mũi phân ra từng phần để thọ dụng. Vì ít theo nhiều, nên nói thế này. Dù không phải nuốt ăn, chỉ công năng làm lợi ích thân, sao cho được tồn tại lâu, cũng thuộc về tế thực, cũng như ảnh, ánh sáng, ngọn lửa, nước mát thoa, rửa. Lại, ăn vị đất của vị kiếp đầu tiên, cũng gọi đoạn thực vì chấp nhận từng phần, từng miếng. Lại, các thức uống, v.v... cũng gọi là đoạn thực, đều có thể đoạn khác nhau mà thọ dụng ở xứ sắc, gọi là đoạn không gọi là thực, vì không là công năng gồm nhiếp lợi ích căn bị đối trị của mình.

Nói về ăn, nghĩa là gồm nhiếp lợi ích cho các căn và các đại chủng, xứ sắc không có năng lực nhiếp giữ, làm lợi ích căn mình và các đại chủng, vì lấy không đến động tác của căn, do Khế kinh nói: Đoạn thực không phải thức ăn trong tay, trong đồ đựng, có thể thành việc ăn mà phải vào mũi, miệng, răng nhai nước dịch tẩm thấm, nhuần nhuyễn, xuống tới cổ họng, rớt xuống trong sinh tạng, rồi tiêu hóa dần, thế vị, đứ thành thực truyền vào trong các mạch, thấu nhiếp tăng các trùng, mới gọi là ăn, vào lúc này mới được thành việc ăn. Hoặc thức ăn trong tay, đồ đựng, do tương đương là tên gọi, như Đê-bà-đạt-đa gọi Na-lạc-ca, v.v..., mặc dù phần dứt kia được gọi chung là ăn, nhưng lúc thành thức ăn thì chỉ hương, vị, xúc, vì bấy giờ chỉ thức ăn này làm căn, cảnh.

Lại, làm sao biết được xứ sắc không phải thức ăn có công năng gồm nhiếp làm lợi ích căn, đại trong thân, như hương, vị, xúc vì không thấy khác nhau? Vì bấy giờ không sinh ra thức, cảnh kia. Lúc sinh, thức mình còn không tổn ích đại chủng, căn mình hướng chỉ đã vào thân rồi, bất sinh thức mình mà có thể làm thức ăn hay sao?

Nhìn sừng mặt trời, mặt trăng, v.v... làm tổn ích nhãn căn, công năng của sự tiếp xúc này, không phải sức hình, hiển lẽ nào không khổ, vui đều sinh với thức? Hai công năng này làm việc tổn ích xứ sắc đối với mắt cũng làm tổn ích chăng?

Về lý không nên như thế, vì mắt và ánh sáng, v.v... lẽ ra thành thức ăn? Nhưng mắt, ánh sáng kia làm cảnh, thuận với chín xúc khổ, vui, có thể làm việc ăn, xứ sắc thì không như vậy, vì thấy các sắc an-thiện-na,

thể tre, v.v..., không thêm, bớt, phải là phải đến trong mắt, mắt mới có thêm bớt. Cho nên, đoạn thực, chắc chắn không phải ở xứ sắc.

Nếu vậy thì vì sao trong Khế kinh Đức Phật khen ngợi đoạn thực có đủ sắc, hương, vị.

Vì Đức Phật muốn cho chúng được hân hoan, vui vẻ, nên khen cả duyên giúp đỡ, như cũng khen: Cung kính, bố thí.

Lễ nào tức cung kính cũng gọi là đoạn thực hay sao?

Nhưng nếu muốn thành đoạn thực, thì cần phải đủ duyên giúp đỡ chân chính. Lại, nêu sắc, tướng, nhằm biểu thị hương, vị, xúc, cũng vì tốt đẹp, đáng ưa thích, nên nói thế này: Cho nên, thể của ăn chỉ có hương, vị, xúc, không phải sắc, không thể làm lợi ích, vì giải thoát căn mình.

Vả lại, gọi là ăn thì trước phải nuôi ích đại chúng của căn mình, sau mới đến cái khác. Khi sắc uống, ăn đối với đại chúng căn mình còn không làm lợi ích, huống chi đề cập cái khác. Vì các căn, cảnh kia đều khác nhau, nên có khi thấy sắc sinh hỷ, lạc, nghĩa là duyên xúc sắc sinh là ăn chẳng phải sắc. Lại, người Bất hoàn và A-la-hán giải thoát tham ăn, dù thấy diệu thực mà bất sinh hỷ thì không có lợi gì.

Đã nói về lệ thuộc cõi đoạn thực và thể của ba: xúc, tư, thức. Kế sẽ chỉ rõ về xúc, nghĩa là ba hòa hợp căn, cảnh, thức sinh ra trong tâm sở duyên khởi, đã tư duy lựa chọn rộng. Tư, nghĩa là ý nghiệp, thức, gọi là liễu cảnh. Ba pháp này chỉ hữu lậu, ở cả ba cõi đều có.

Như thế, thể của bốn thực, gồm có mười sáu việc, chỉ ba thực sau, nói lời hữu lậu, để chỉ rõ ba thứ như hương, v.v... không lẫn lộn với vô lậu.

Vì sao xúc, v.v... không phải thức ăn?

Vì thức ăn là năng dẫn dắt, năng giúp đỡ đáng chán, đáng đoạn các hữu thích snah về nơi sống lâu. Vô lậu dù giúp đỡ người khác đã dẫn dắt hữu, nhưng lại tự không có công năng lôi kéo đến hư, không phải có thể chán, dứt chỗ sinh trưởng ái, nên không kiến lập ở trong bốn thực, tức do nhân này đối với địa cõi người khác. Mặc dù pháp hữu lậu cũng không phải thể của thực. Pháp của địa cõi người khác tuy cũng là nhân nuôi nấng hiện hữu, nhưng không phải năng lực tạo ra sức dẫn dắt nhân của hữu sau, nên không gọi là thức ăn. Khi các pháp vô lậu hiện ở trước, dù có khả năng làm nhân giúp đỡ đại chúng căn, nhưng không có khả năng tạo ra dẫn lực nhân của hữu sau, mặc dù tạm thời làm nhân thối nhân đại chúng căn, nhưng chỉ vì muốn thành chỗ nương tựa tốt đẹp, nên hưởng nhanh chóng Niết-bàn, diệt hẳn các hữu. Hữu lậu của

địa mình, khi hiện ở trước, giúp đỡ hiện tại, khiến thêm công năng chiêu cảm hữu sau.

Do đó đã giải thích nghĩa đoạn thực làm nhân chiêu cảm hữu sau. Nghĩa là thực xúc, v.v..., khi dẫn dắt đến hữu sau, cũng dẫn sinh hương, v.v... của pháp bên trong ở đương lai, hương, v.v... trong hiện tại, giúp đỡ nhân của xúc, v.v... sao cho dẫn dắt đến hữu đương lai, cũng là công năng tự nhận lấy hương, v.v... ở vị lai làm quả đẳng lưu. Cho nên, dứt vì đồng một quả với nhân của hữu sau, vì cũng có công năng dẫn dắt hữu, nên gọi là sự ăn. Nhưng loại thể của hương, vị, xúc có ba. Nghĩa là đẳng lưu, nuôi lớn, dị thực sinh, do biết rõ hương, v.v... ở bên ngoài, phát ra hương, vị, xúc nội trong thân, khiến thành việc ăn, nên thức ăn đã nói, lý ấy chắc chắn thành, như Khế kinh nói: Ăn có bốn thứ, năng khiến bộ đa hữu tình an trụ và giúp ích cho các người cầu sinh.

Nói bộ đa, nghĩa là chỉ rõ nghĩa đã sinh, các đường sinh rồi, đều gọi là đã sinh.

Lại, nói cầu sinh gọi là gì?

Đây là gọi trung hữu. Do Phật, Thế tôn đã dùng năm thứ gọi là trung hữu.

Năm thứ là:

1. Ý thành, vì từ ý sinh, nên là nghĩa nghiệp dẫn dắt, đã dẫn đến quả.

Nếu vậy, thì ý này nên có lỗi thái quá hay chăng?

Không vậy, trung hữu đã nắm lấy vật tinh, huyết, v.v... bên ngoài để hình thành thân.

2. Cầu sinh: Rất đổi vui mừng vì đã tìm kiếm, quán sát chỗ sẽ sinh. Sinh, là sinh hữu, trung hữu phần nhiều tìm tòi hương về chỗ sinh hữu.

3. Hương thực, thân được thấm nhuần hương thực, qua đến chỗ sinh.

4. Trung hữu, hai hữu tử, sinh, vì hữu không có xen hở.

5. Danh khởi, chi Vô gián của tử hữu, tự thể không thiếu, vì thân khởi tức khắc, hoặc lại đối với hương sẽ sinh chắc chắn, vì tạm thời khởi.

Vì sao nói ăn chỉ có bốn thứ?

Vì tất cả hữu vi đều có tác dụng ăn. Kinh nói. Vì Niết-bàn cũng có ăn, như Khế kinh nói: Niết-bàn có ăn, gọi là chi giác. Mặc dù các hữu vi đều có tác dụng ăn, nhưng y cứ ở sự vượt hơn để nói, nghĩa là đại tiên tôn, vì người đã được Phật hóa độ y cứ ở tư chất có vượt hơn, chỉ

nói bốn cách ăn, nghĩa là hai cách ăn đầu tiên, công năng giúp ích cho đối tượng nương tựa, chủ thể nương tựa, hai cách ăn sau có công năng dẫn sinh hữu sau hay khởi hữu đương lai, như thứ lớp, giúp ích thân khởi danh sắc. Vì thân của hai thứ hữu, nên lập bốn thực. Đối tượng nương tựa, nghĩa là sắc thì có căn thân: Chủ thể nương tựa, nghĩa là danh tức tâm, tâm sở. Dứt thực trong đây, thấm nhuần, làm lợi ích cho đối tượng nương tựa, vì có căn thân, do ở lại thân căn này, nên xúc thực trong đây giúp đỡ, làm lợi ích cho chủ thể nương tựa, vì tâm, tâm sở do căn thân này mà sống còn.

Hai cách ăn như thế đối với hữu đã sinh có công năng giúp ích rất cao quý. Tư, vì dẫn thức nghiệp làm chủng tử, dẫn khởi hữu đương lai. Nghĩa là vì nghiệp, nên có thể hai hữu danh sắc đương lai. Nghiệp đã dẫn rồi, ái thấm nhuần hạt giống thức, có thể khiến khởi thân danh sắc của hữu đương lai, nên Khế kinh nói: Nghiệp là nhân sinh, ái là nhân khởi.

Hai cách ăn như vậy, lúc chưa sinh, có công năng dẫn khởi rất cao quý, nên chỉ nói bốn thứ này là ăn. Hai cách ăn sau trong bốn cách ăn này, như mẹ ruột, vì sinh chưa sinh, nên hai cách ăn trước như mẹ nuôi, vì mẹ nuôi nấng đã sinh, ngoài ra, chắc chắn lựa chọn rộng, như luận Thuận Chánh Lý. Nay lại nên tư duy lựa chọn trước giải thích bốn hữu.

Hai hữu tử, sinh chỉ một sát-na ở trong lúc này, thức nào hiện khởi? Thức này lại tương ứng với thọ nào? Tâm định, vô tâm được tử, sinh hay không? Trụ ở thức tánh nào được nhập Niết-bàn? Đến khi qua đời thức sẽ diệt ở chỗ nào? Dứt mặt-ma thể nó là gì?

Tụng rằng:

*Đoạn, nối tiếp thiện căn
Lìa nhiễm lìa tử sinh
Cho chỉ trong ý thức
Sinh tử chỉ xả thọ
Phi định, vô tâm hai
Niết-bàn hai vô ký
Chết dần: chân, rốn, tim
Ý thức diệt sau cùng
Trời, người dưới bất sinh
Cắt đứt sông Mạt-ma.*

Luận chép: Dứt thiện, nối tiếp thiện, lìa nhiễm địa cội, từ lìa nhiễm lui sụt, mạng. chung, thọ sinh. Trong sáu vị này, chỉ chấp nhận ý

thức, vì đều là pháp không chung của ý thức, nên ở đây năm thức không có công năng. Sinh, là nói gồm nhiếp niệm đầu của trung hữu. Mặc dù ý thức tương ứng đủ cả ba thọ, tuy nhiên, lúc tử sinh chỉ có xả thọ, không phải khổ, lạc thọ, vì tánh không sáng suốt nhạy bén. Khi thuận với tử, sinh, tánh của hai thọ khổ, vui rất sáng suốt, không thuận với tử, sinh. Chẳng phải thức sáng suốt, có nghĩa tử, sinh, vì lúc tử, sinh, sẽ tối tăm, yếu kém. Do đó, nên nói ba tính lự dưới chỉ có tâm phân gần có lý tử sinh, vì địa căn bản không có xả thọ, nên dù gọi là ở ý thức được có tử sinh, nhưng không phải ở tâm định có lý tử sinh, vì chẳng phải cõi, địa có tử, sinh riêng. Nếu là cõi, địa đều rất sáng suốt, nhạy bén, vì gia hạnh vượt hơn đã dẫn phát, lại ở tâm định vì hay gồm nhiếp làm lợi ích, nên chắc chắn do tổn hại mới có qua đời. Đối với tâm ở định, vì không phải nhiễm ô, sẽ, do nhiễm ô mới được thọ sinh. Tâm nhiễm ở địa khác cũng gồm nhiếp làm lợi ích, vì không có lý qua đời, khởi gia hạnh, nên không có lý thọ sinh, tâm nhiễm của địa khác, sẽ gồm nhiếp địa vượt hơn, không chấp nhận ưa đi qua địa thua kém để thọ sinh. Vô ký của địa khác, vì không phải khởi gia hạnh ô nhiễm, nên cũng không có sinh tử, cũng chẳng phải vô tâm, có nghĩa tử sinh, vì trái với lý. Tử có hai thứ: Hoặc bị người khác hại, hoặc tự nhiên qua đời, ở vị vô tâm, người khác không thể hại. Vì có pháp thù thắng gìn giữ thân, nên ở vị vô tâm, không phải tự nhiên qua đời, vì tâm nhập định, có thể dẫn phát tâm xuất, nghĩa là tâm nhập tạo ra duyên Đẳng vô gián, lấy pháp quả của tâm, v.v... dựa vào thân. này, sẽ không có pháp riêng nào có thể ngăn ngại, khiến cho bất sinh. Nếu thân, đối tượng nương tựa, sắp biến đổi, hư hoại, thì khởi trở lại lệ thuộc thân, tâm này, mới qua đời, lại không có lý khác.

Lại, có Khế kinh chứng minh không phải vì vô tâm mà chết, nên Khế kinh nói: Hữu tình Vô tướng do tướng khởi rồi, từ xứ kia chết, không phải ở vị vô tâm có thể được thọ sinh, phải do được dẫn do tâm hiện vượt hơn, vì vị trụ yếu kém mà thọ sinh, vì lìa khởi phiền não nên không thọ sinh. Cũng có Khế kinh chứng minh. Không phải nên Khế kinh nói: Nếu thức không vào trong thai mẹ thì danh sắc có được hình thành Yết-thích-lam hay không? Cho đến nói rộng. Nhưng tâm tử hữu dù có cả cả ba tánh, mà A-la-hán sẽ không có tâm nhiễm, dù có tâm thiện và hai vô ký nhưng vì mạnh mẽ, nên không vào Niết-bàn, vì tâm nhập Niết-bàn chỉ hai vô ký, nghĩa là đường oai nghi, hoặc dị thực sinh.

Nếu nói cõi Dục có tâm xả dị thực, nhập Niết-bàn, thì sẽ có cả hai vô ký. Nếu nói ở cõi Dục không có tâm xả dị thực, nhập Niết-bàn chỉ

đường oai nghi thì sẽ không có lìa thọ mà có tâm riêng, việc thiện yếu kém vì sao không nhập Niết-bàn?

Vì tâm thiện kia đã có dị thực, các A-la-hán đã nhàm chán, trái với các quả dị thực ở vị lai, vì nhập Niết-bàn.

Nếu vậy thì trụ dị thực lẽ ra không nhập Niết-bàn phải chăng?

Không đúng, đã phân biệt nói vì chán trái vị lai, thì sao không chán trái dị thực hiện tại?

Vì biết dựa vào dị thực hiện tại dứt hẳn các hữu, nên dựa vào dị thực hiện tại chứng quả Vô học, biết A-la-hán kia đã có ơn không nhàm chán sâu xa tai họa, các A-la-hán vì nhàm chán sâu xa sự sinh đời đương lai, nên khi qua đời, tránh khỏi điều thiện của nhân kia, chỉ vì thế lực của hai vô ký yếu kém, vì thuận với tâm dứt nối tiếp nhau yếu kém tối tăm, nên nhập Niết-bàn chỉ hai vô ký. Các thức như nhãn thức, v.v... dù dựa vào sắc căn mà không có nơi chốn, hướng chi lại là ý thức. Nhưng y cứ ở chỗ diệt của thân căn để nói, nếu người chết tức khắc, căn thân ý thức đột nhiên đều diệt, không có chỗ riêng. Nếu người chết dần đi qua trời, người cõi dưới, ở chân, rốn, tim, như thứ lớp, thức diệt, nghĩa là rơi vào đường ác, nói danh đi qua dưới. Sau cuối của thức kia, thì diệt ở hai chân. Nếu đi qua cõi người, thì thức sẽ diệt ở rốn. Nếu sinh lên trên trời, thì thức sẽ diệt ở trái tim. Các A-la-hán dịch là bất sinh, tâm sau cuối của họ cũng sẽ ở quả tim.

Có sư khác nói: Thức kia diệt ở đỉnh đầu, chính vào lúc qua đời, thân căn diệt ở chân, v.v..., ý thức sẽ diệt theo. Khi sắp qua đời, thân căn diệt dần, đến chỗ chân, v.v... đột nhiên đều diệt, như đặt một ít nước lên trên viên đá nung đỏ lửa, nước sẽ giảm dần, tiêu tan dần ở một chỗ đều hết, sẽ không có đồng phần nối tiếp nhau làm nhân, công năng Vô gián được sinh hưởng đến hữu sau, chỉ người qua đời dần, khi sắp qua đời, hữu vi dứt mặt-ma, bị bức xúc do khổ thọ, không có vật khác, gọi là mặt-ma, nhưng có nơi chốn riêng ở trong thân, khi bị bức thiết dữ dội do gió, lửa nóng, thọ sinh rất khổ, thì gây ra cái chết, được gọi là mặt-ma, như có bài tụng rằng:

*Trong thân có chỗ riêng
Xúc nên khiến qua đời
Như tua hoa sen xanh
Bị vì trần xúc chạm.*

Nếu nước, lửa, gió duyên hợp, không bình thường sai trái lẫn nhau, hoặc chung, hoặc riêng, thế dụng tăng thịnh, thương tổn mặt-ma, như dùng dao bén cắt ra từng phần do dây dẫn phát thọ sinh rất khổ. Từ giây

phút này, chắc chắn sẽ chết. Vì lý này, nên gọi là dứt mặt-ma, không phải như chặt củi, gọi là dứt, như dứt không có nhận biết, nên được gọi là dứt, ưa phát ra ngôn ngữ, chê bai, chỉ trích người kia, bất cứ có thật hay không thật, thương thiết lòng người, đều do đây sẽ chiêu cảm dứt khổ mặt-ma.

Vì sao địa, cõi không phải dứt mặt-ma, vì không có tai họa bên trong thứ tư.

Ba tai họa bên trong: Gió viêm nhiệt, nước, lửa, gió tăng tùy theo sự thích ứng mà khởi.

Có nói: Ba tai này giống với ba tai khí thể gian bên ngoài. Việc dứt mặt-ma này, ở cõi trời không có, nhưng khi các thiên tử sắp chết thì trước có năm tướng suy nhỏ hiện ra:

1. Y phục, dụng cụ trang nghiêm không còn vừa ý.
2. Ánh sáng của thân mình mờ tối, yếu kém.
3. Lúc tắm gội, nước dính thân.
4. Bản tánh vui mừng, rong ruổi, nay ngưng đọng một cảnh.
5. Mắt vốn ngưng lặng, nay thường nháy động.

Năm tướng này biểu hiện thì không nhất định qua đời, nếu gặp được duyên thiện vượt hơn, cũng có thể chuyển biến. Lại, có năm tướng suy lớn biểu hiện:

1. Bụi bám đầy áo.
2. Tràn hoa héo úa.
3. Mồ hôi ở hai nách chảy ra.
4. Hơi hôi nhập vào thân.
5. Không ưa chỗ ngồi cũ.

Năm tướng này biểu hiện, chắc chắn sẽ qua đời. Nếu gặp phải duyên mạnh, cũng không thay đổi. Đức Thế tôn đối với hữu tình này trong sinh, trụ, chết mất của thế gian, kiến lập ba nhóm, ba nhóm là:

Tụng rằng:

*Nhóm chánh, tà bất định
Thánh tạo Vô gián khác.*

Luận chép:

1. Nhóm định tánh chánh.
2. Nhóm định tánh tà.
3. Nhóm tánh bất định.

Sao gọi là tánh chánh?

Nghĩa là Đức Thế tôn nói: Tham, dứt không sót, giận, dứt không sót, si dứt không, sót, tất cả phiền não đều dứt không sót, đó gọi là tánh

chánh.

Vì sao chỉ dứt gọi là tánh chánh?

Vì dứt này dứt hẳn pháp tà ngụy. Lại, thể của dứt là thiện, thường, vì chắc chắn người trí yêu thích. Đức Thế tôn cũng nói: Thánh đạo gọi là tánh chánh. Kinh nói: Vì hưởng vào tánh chánh ly sinh.

Sao gọi là tánh tà? Có ba thứ:

1. Tánh tà của đường.
2. Tánh tà của nghiệp.
3. Tánh tà của kiến.

Tức là đường ác, năm nghiệp Vô gián, năm kiến bất chánh, như thứ lớp làm thế. Ở hai định là: Pháp Hữu học và Vô học. Năm nghiệp Vô gián, như thứ lớp năm Vô gián đó, vì chắc chắn hưởng đến lìa trói buộc ở quả địa ngục, nên người thành tựu Hữu học, Vô học ấy được gọi là này, gọi là Thánh.

Người tạo Vô gián vì chánh thoát, đã thoát khỏi sự ràng buộc của phiền não, nên gọi là Thánh. Thánh là nghĩa tự tại lìa ràng buộc hoặc vì xa lìa mọi việc xấu ác, nên gọi là Thánh, vì đạt được hoàn tất ly hệ đắc. Hoặc vì khéo được hưởng, nên gọi là Thánh, vì ở giữa không có ngăn cách, nên gọi là Vô gián, vì ưa làm nhân này, nên gọi là tạo, định chánh tà khác gọi là tánh bất định, vì hai duyên đợi kia có thể thành hai, nên không chắc chắn thuộc về một, được gọi là bất định.

